

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG YANG  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 25/3/2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Nam Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Định và ông Đoàn Như Kiên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thuý Dàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị D** – sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Kon Dơng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Lê Trọng H** – sinh năm: 1974

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn Kon Dơng, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà và ông Lê Trọng H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K’Dang, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai vào ngày 02/01/2007. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng về quan điểm sống. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc và không thể kéo dài thêm nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Trọng H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên: Lê Nguyễn Minh H, sinh ngày: 20/10/2007 và Lê Trọng H1, sinh ngày: 05/12/2012. Bà đề nghị sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi 02 con Lê Nguyễn Minh H và Lê Trọng H1, yêu cầu ông Lê Trọng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi con là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Đối với bị đơn ông Lê Trọng H trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do tại các phiên hòa giải cũng như phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 08/12/2023 ông chỉ trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn vì gia đình vẫn hòa thuận, không xảy ra mâu thuẫn. Về con chung, tài sản chung, nợ chung ông không trình bày ý kiến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị D và ông Lê Trọng H kết hôn vào năm 2007 có đăng ký theo quy định pháp luật. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01/2007 do UBND xã K'Dang, huyện Đak Đoa cấp ngày 02/01/2007 mà nguyên đơn đã giao nộp. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp. Quá trình thụ lý vụ án xác định ông Lê Trọng H cư trú tại tổ 5, thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn ông Lê Trọng H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mang Yang xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Về yêu cầu xin ly hôn: Theo trình bày của đương sự và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy trong quá trình chung sống, ông bà có phát sinh mâu thuẫn. Đối với ông Lê Trọng H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, mặc dù ông H có văn bản trình bày về việc không đồng ý ly hôn, tuy nhiên mà ông vẫn không đến tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa, điều đó chứng tỏ ông không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm gia đình. Qua các phiên hòa giải và tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án động viên đoàn tụ tiếp tục duy trì xây dựng gia đình nhưng nguyên đơn vẫn cương quyết xin ly hôn. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm giữa ông bà đã thực sự rạn nứt, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Trọng H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về yêu cầu nuôi con chung: Ông bà có 02 con chung tên: Lê Nguyễn Minh H, sinh ngày: 20/10/2007 và Lê Trọng H1, sinh ngày: 05/12/2012, hiện đang sống cùng bà D. Bà D yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con sau khi ly hôn, nguyện vọng của cháu H và H1 muốn sống cùng mẹ. Ông H không có ý kiến gì về việc giành quyền nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao 02 con chung Lê Nguyễn Minh H và Lê Trọng H1 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp.

[6] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị D yêu cầu ông Lê Trọng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng cho mỗi con là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là đúng quy định của pháp luật,

ông H hiện đang là giáo viên có thu nhập ổn định, mức cấp dưỡng là phù hợp. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà D.

[7] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về nợ chung: Nguyên đơn xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Về án phí: Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Cho bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Lê Trọng H.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung là: Lê Nguyễn Minh H, sinh ngày: 20/10/2007 và Lê Trọng H1, sinh ngày 05/12/2012 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền và nghĩa vụ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con:** Ông Lê Trọng H phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị D. Mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi con chung 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**4. Về án phí:**

- Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0010959 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Trọng H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

**5. Về thời hạn kháng cáo:** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/3/2024), đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Chi cục THADS huyện MangYang;
- UBND xã K'Dang, huyện Đak Đoa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Trương Nam Trung**